

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2020/ HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2020.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Quân và bà Bạc Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Lượm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 172/2020/TLST-HN&GD ngày 04 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị Lò Thị V**; sinh năm: 2000; địa chỉ: Bản N, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp. (Có mặt).

* Bị đơn: **Anh Quàng Văn T**; sinh năm: 1996; địa chỉ: Bản H (Nay là bản H), xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21 tháng 7 năm 2020, bản tự khai tại Tòa án và phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lò Thị V trình bày:

1. **Về hôn nhân:** Tôi (Lò Thị V) và anh Quàng Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 26/6/2018. Chúng tôi sống được một thời gian ngắn, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau, có lần tôi nhìn thấy anh Thiệu sử dụng ma túy. Tôi và anh T đã không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay. Thời gian tết tôi có về với con tôi, nhưng vợ chồng cũng không hòa thuận. Đến nay tôi không còn tình cảm với anh T nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Quàng Văn T.

2. **Về con chung:** Chúng tôi có 01 con chung, cháu tên là Quàng Thị Yến C; sinh ngày 24/10/2016. Khi ly hôn tôi nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Yến C cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Thu nhập của tôi hằng tháng phụ thuộc vào nông nghiệp, ngoài ra tôi có đi làm thuê những lúc nông nhàn mỗi tháng thu nhập thêm khoảng 5.000.000đ; khi tôi nhận nuôi con tôi cam đoan sẽ đảm bảo việc chăm sóc con và cho con tôi được đi học. Tôi không đề nghị anh Thiệu phải cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi về giao nuôi con chung.

3. **Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. **Về nợ chung:** Không có nợ chung, nên không đề nghị giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành giao các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Quàng Văn T; nhưng anh T không có mặt để tham gia quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Đã thực hiện đúng tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm. Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị V, giao cháu Quàng Thị Yến C; sinh ngày 24/10/2016 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi, chị Lò Thị V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ, cấp dưỡng hằng tháng kể từ tháng 10/2020, về phân tài sản, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Đề nghị căn cứ vào quy định tại Điều 147 BLTTDS và điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đề nghị miễn án phí ly hôn cho chị Lò Thị V và chị Lò Thị V phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung của chị Lò Thị V với anh Quàng Văn T thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị V nộp đơn khởi kiện, anh Quàng Văn T có nơi cư trú tại bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản hợp lệ, theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh T, xét thấy sự vắng mặt không gây cản trở cho việc xét xử mà vẫn đảm bảo được đầy đủ quyền lợi cho anh T. Do đó HĐXX quyết định

tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hôn nhân: Chị Lò Thị V và anh Quảng Văn T kết hôn với nhau ngày 26/6/2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Vậy có thể xác định cuộc hôn nhân của chị Lò Thị V và anh Quảng Văn T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014. Kể từ khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thiếu sự tin tưởng, chung thủy với nhau. Đến cuối năm 2019 chị V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình để sinh sống, tuy nhiên do thương con nên đầu năm 2020 chị có về ở cùng con được vài ngày thì lại tiếp tục quay về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Khi sống ly thân giữa hai anh chị cũng không có sự quan tâm chia sẻ với nhau. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; do nhiều lần thông báo hợp lệ cho anh T để tham gia hòa giải cho hai anh chị quay về đoàn tụ nhưng anh T không có mặt, qua đó thấy việc anh T không có thiện chí hòa giải quay về đoàn tụ. Tuy nhiên, để đảm bảo tính khách quan, toàn diện Tòa án đã tiến hành xác minh sự vắng mặt của anh T và tình trạng hôn nhân của chị Lò Thị V và anh Quảng Văn T thì được biết: Giữa chị Lò Thị V và anh Quảng Văn T đã sống ly thân được một thời gian, chị V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị V sinh sống, giữa hai vợ chồng đã có mâu thuẫn xảy ra. Bởi vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng; cuộc sống hôn nhân giữa hai anh chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị V, cho chị Lò Thị V ly hôn với anh Quảng Văn T.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu giao nuôi con chung của chị Lò Thị V thì thấy: Trong quá trình khởi kiện và trước khi mở phiên tòa, thì chị Lò Thị V có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu C. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị V cho rằng; từ trước đến nay cháu C đã ở cùng bố và bà nội do đó chị muốn cháu C có một cuộc sống ổn định; vì vậy chị V đề cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và chị cấp dưỡng nuôi cháu C mỗi tháng 500.000đ, cấp dưỡng hằng tháng, kể từ tháng 10/2020. Trong quá trình giải quyết, mặc dù anh T vắng mặt không đến Tòa án nhưng qua xác minh ý kiến của mẹ anh T cũng cho biết nguyện vọng của anh T là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, vì công việc nên anh T không thể về. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo cho cháu C có được một cuộc sống ổn định, được phát triển toàn diện về cả thể chất lẫn tinh thần, thì cần căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu giao nuôi con chung của chị Lò Thị V.

[2.3] Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có nợ chung, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Lò Thị V đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn. Chị Lò Thị V phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 6 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị V được ly hôn với anh Quàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh Quàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Quàng Thị Yến C; sinh ngày 24/10/2016 cho đến khi cháu Yến C đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động; chị Lò Thị V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ, cấp dưỡng hằng tháng kể từ tháng 10/2020.

Sau khi ly hôn anh Quàng Văn T có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị Lò Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Chị Lò Thị V, anh Quàng Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Lò Thị V được miễn án phí ly hôn. Chị Lò Thị V phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 30/9/2020); anh Quàng Văn T có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - THA, Tòa án nhân dân tỉnh DB;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga